

Bản án số: 95/2024/HS-ST

Ngày: 30 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Bà Đàm Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà: Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ hình sự thụ lý 97/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965 và bà Phùng Thị V, sinh năm 1965; vợ: Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1991; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con bé sinh năm 2014; Tiền án: 01 tiền án. Ngày 24/01/2022, Tòa án nhân dân huyện G xử phạt Nguyễn Văn C số tiền 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. C đã đóng án phí, nộp tiền phạt 20.000.000 đồng, truy nộp 2.000.000 đồng ngày 28,29/12/2023. Chưa xóa án tích. Tiền sự: không. Bị cáo tự thú ngày 27/12/2023, tạm giữ ngày 28/12/2023 đến ngày 31/12/2023 hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Chị **Đặng Thị H1**, sinh năm: 1988, trú tại: thôn L, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Bùi Thế S**, sinh năm: 1995; trú tại: thôn V, xã C1, huyện G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Nguyễn Thị H2**, sinh năm: 1973; trú tại: G H, thị trấn Y, G, Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Trần Thị H3**, sinh năm: 1986; trú tại: thôn B Đ, G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Nguyễn Hữu C1**, sinh năm: 1986; trú tại: thôn B Đ, G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Nguyễn Thị H4**, sinh năm: 1974; trú tại: thôn B Đ, G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Nguyễn Thị H5**, sinh năm: 1990; trú tại: thôn C Đ, G, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân C trước đây là lái xe thuê lương tháng khoảng 5.000.000 đồng, thu nhập lái xe thuê là nguồn sống chủ yếu của C. Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2022 đến tháng 11/2023 một mình C tự bỏ tiền cá nhân của C ra cho khách vay tiền dưới hình thức cho vay trả góp cả gốc cả lãi (hay gọi là bốc bát họ), người vay sẽ phải trả góp số tiền vay cả gốc cả lãi trong vòng 60 ngày, số tiền lãi là 20% tổng số tiền vay trong vòng 60 ngày, ngoài ra C còn cho vay lãi ngày nếu khách có nhu cầu vay. Khách vay thì liên hệ trực tiếp hoặc liên hệ qua số điện thoại 0978153333 của C. Khách vay tiền của C không cần thế chấp, đặt cược tài sản gì. Giữa các bên không ký hợp đồng hay giấy tờ gì khác vì là khách quen biết. Quá trình cho vay lãi nặng C sử dụng tài khoản ngân hàng M số 3320168688888 để chuyển tiền, nhận tiền đóng trả góp cả gốc cả lãi của người vay và cho vay bằng tiền mặt, nhận tiền đóng cả gốc cả lãi của khách bằng tiền mặt. C cho 07 khách vay tiền, cụ thể:

Người thứ nhất: Nguyễn Văn C cho chị Đặng Thị H1, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn L, Đ, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (hay gọi là bốc bát họ) tổng 09 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 21/11/2022, C cho chị H1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt tiền gốc và lãi 200.000 đồng ngày đầu tiên. C đưa tiền mặt cho chị H1 số tiền 9.800.000 đồng (không có giấy tờ). C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc và lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 28/12/2022, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi của 10 ngày với số tiền là 1.000.000 đồng, C chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 4.000.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 03/01/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 21/11/2022 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 5.700.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 4: Ngày 09/02/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C đã trừ nợ cũ của bát họ ngày 28/12/2022 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 2.850.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 5: Ngày 08/5/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt tiền gốc và lãi của 5 ngày là 500.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng L 0964076884 của chị H1 số tiền 4.500.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 6: Ngày 29/6/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 08/5/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 3.500.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng

trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 7: Ngày 18/8/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 29/6/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng L 0964076884 của chị H1 số tiền 2.500.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 8: Ngày 12/10/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 18/8/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 2.500.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 9: Ngày 20/10/2023, Nguyễn Văn C cho chị H1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. Công C trừ nợ cũ của bát họ ngày 18/8/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M số 0350199280188 của chị H1 số tiền 6.700.000 đồng. C thỏa thuận với chị H1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng. Như vậy, với 09 lần nêu trên, C đã cho chị H1 vay tổng số 60.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 12.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 60.000.000 đồng (09 lần) của chị H1 vay trong 60 ngày là 1.972.605 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 10.027.395 đồng. Chị H1 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C.

Người thứ 2: Nguyễn Văn C cho anh Bùi Thế S- sinh năm: 1995, trú tại: Thôn V, C, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bát họ) và vay lãi ngày tổng 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/3/2023, Nguyễn Văn C cho anh S vay 20.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. Công [HYPERLINK \l "link" \o "Họ và Tên: Công"](#) C cắt gốc và lãi ngày đầu tiên 400.000 đồng và chuyển khoản vào

tài khoản ngân hàng V1 0541000332897 của anh S số tiền 19.600.000 đồng. C thỏa thuận với anh S hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 400.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 4.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 3.342.466 đồng. Lần 2: Ngày 09/5/2023, Nguyễn Văn C cho anh S vay 20.000.000 đồng theo lãi 01 ngày. C đã cắt lãi số tiền 400.000 đồng. C đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V1 0541000332897 của anh S số tiền 19.600.000 đồng. C thỏa thuận với anh S trả lãi 500.000 đồng trong 01 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 500.000 đồng trong 01 ngày tương ứng với lãi suất 912,5%/năm, gấp 45.6 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 489.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/5/2023, Nguyễn Văn C cho anh S vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi ngày đầu tiên 200.000 đồng theo và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V1 0541000332897 của anh S số tiền 9.800.000 đồng. C thỏa thuận với anh S hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng. Lần 4: Trong năm 2023 (không nhớ ngày tháng cụ thể) C cho anh S vay 5.000.000 đồng, C đã đưa tiền mặt 5.000.000 đồng, theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C thỏa thuận với anh S hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Như vậy, với 04 lần nêu trên, C đã cho anh Bùi Thế S vay tổng số 55.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 7.500.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 35.000.000 đồng của anh S vay trong 60 ngày và 20.000.000 đồng của S trong 01 ngày tổng là 1.161.685 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 6.338.315 đồng. Anh S đã thanh toán trả hết tiền gốc và tiền lãi cho C.

Người thứ 3: Nguyễn Văn C cho chị Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1973, trú tại: G H, Thị trấn Y, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bất hộ) tổng 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Giữa tháng 7/2022, Nguyễn Văn C cho chị H2 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 200.000 đồng ngày đầu tiên và đưa cho chị H2 tiền mặt 9.800.000 đồng (không có giấy tờ, không có người chứng kiến). C thỏa thuận với chị H2 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Giữa tháng 9/2022, Nguyễn Văn C cho chị H2 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C đã cắt gốc và lãi 200.000 đồng ngày đầu tiên và đưa cho chị H2 số tiền mặt 9.800.000 đồng (không có giấy tờ, không có người chứng kiến). C thỏa thuận với chị H2 phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 3: Giữa tháng 11/2022, Nguyễn Văn C cho chị H2 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 200.000 đồng ngày đầu tiên và đưa số tiền mặt 9.800.000 đồng (không có giấy tờ, không có người chứng kiến). C thỏa thuận với chị H2 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 4: Ngày 17/2/2023, Nguyễn Văn C cho chị H2 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bất hộ trước và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0962224688 của chị H2 số tiền 6.200.000 đồng. C thỏa thuận với chị H2 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Như vậy, với 04 lần nêu trên, C đã cho chị Nguyễn Thị H2 vay tổng số 40.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 8.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của

khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 40.000.000 đồng (04 lần) của chị H2 vay trong 60 ngày là 1.315.068 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 6.684.932 đồng. Chị H2 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C.

Người thứ 4: Nguyễn Văn C cho chị Trần Thị H3, sinh năm: 1986, trú tại: Thôn B, Đ, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bát họ) tổng 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 27/02/2023, Nguyễn Văn C cho chị H3 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C Côngắt gốc và lãi của 3 ngày là 600.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M của chị H3 số tiền 9.400.000 đồng. C thỏa thuận với chị H3 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng. Lần 2: Ngày 05/4/2023, Nguyễn Văn C cho chị H3 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 27/2/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M của chị H3 số tiền 3.900.000 đồng. C thỏa thuận với chị H3 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 3: Ngày 20/4/2023, Nguyễn Văn C cho chị H3 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 1123011986 số tiền 5.000.000 đồng. C thỏa thuận với chị H3 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Như vậy, với 03 lần nêu trên, C đã cho chị H3 vay tổng số 25.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 5.000.000 đồng tiền lãi. Công

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 25.000.000 đồng (3 lần) của chị H3 vay trong 60 ngày là 821.918 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 4.178.082 đồng. Chị H3 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C. **Người thứ 5:** Nguyễn Văn C cho Nguyễn Hữu C1, sinh

năm: 1986, trú tại: Thôn B, Đ, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bát họ) tổng 10 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/11/2022, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 8.100.000 đồng, C đưa tiền mặt cho C1 1.700.000 đồng (không có giấy tờ), C đã cắt gốc và lãi số tiền 200.000 đồng của ngày đầu tiên. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 20/12/2022, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 19/11/2022 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 4.000.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 09/01/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C đã trừ nợ cũ của bát họ ngày 20/12/2022 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 6.000.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 4: Ngày 17/01/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. Công trừ nợ cũ của bát họ ngày 09/01/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 7.000.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng. Lần 5: Ngày 03/02/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 17/01/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 số tiền 2.100.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60

ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 6: Ngày 20/03/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. Công C trừ nợ cũ của bát họ ngày 03/02/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V2 001086032657 của anh C1 số tiền 7.200.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng. Lần 7: Ngày 21/03/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 20/3/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V2 001086032657 của anh C1 số tiền 8.800.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 8: Ngày 05/5/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C đã trừ nợ cũ của bát họ ngày 21/3/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 4.000.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 9: Ngày 15/5/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C đã trừ nợ cũ của bát họ ngày 05/5/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0966481986 của anh C1 số tiền 8.400.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 10: Ngày 29/7/2023, Nguyễn Văn C cho anh C1 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bát họ ngày 15/5/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V2 001086032657 của anh C1 số tiền 4.500.000 đồng. C thỏa thuận với anh C1 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000

đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Như vậy, với 10 lần nêu trên, C đã cho anh Nguyễn Hữu C1 vay tổng số 80.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 16.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 80.000.000 đồng (10 lần) của anh C1 vay trong 60 ngày là 2.630.138 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 13.369.862 đồng. Anh C1 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C.

Người thứ 6: Nguyễn Văn C cho chị Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1974, trú tại: Thôn B, Đ, G, Hà Nội vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bất hộ) tổng 07 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 06/5/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 200.000 đồng ngày đầu tiên và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 9.800.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 31/5/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bất hộ ngày 06/5/2023 và cắt gốc và lãi ngày đầu tiên là 100.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 4.700.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 10/7/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C Công trừ nợ cũ của bất hộ ngày 31/5/2023 và cắt gốc và lãi ngày đầu tiên là 100.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 4.800.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng. Lần 4: Ngày 17/7/2023, Nguyễn Văn C

cho chị H4 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 300.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 4.700.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 5: Ngày 04/8/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 300.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 4.700.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng. Lần 6: Ngày 04/9/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bất họ ngày 04/8/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 của chị H4 số tiền 8.900.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 7: Ngày 08/9/2023, Nguyễn Văn C cho chị H4 vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C Công trừ nợ cũ của bất họ ngày 04/9/2023 và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M 0981265255 số tiền 4.500.000 đồng. C thỏa thuận với chị H4 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng. Như vậy, với 07 lần nêu trên, C đã cho chị Nguyễn Thị H4 vay tổng số 45.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 9.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 45.000.000 đồng (07 lần) của chị H4 vay trong 60 ngày là 1.479.454 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 7.520.546 đồng. Chị H4 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C. **Người thứ 7:** Nguyễn Văn C cho chị Nguyễn Thị H5, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn C, Đ, G, Hà Nội đã vay lãi nặng dưới hình thức trả góp (bất họ) tổng 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/4/2023, Nguyễn Văn C cho chị H5 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C cắt gốc và lãi 2 ngày đầu là 400.000 đồng, theo hình thức trả góp trong 60 ngày và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M của chị H5 số tiền 9.600.000 đồng. C thỏa thuận với chị H5 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 08/4/2023, Nguyễn Văn C cho chị H5 vay 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. C trừ nợ cũ của bất họ ngày 05/4/2023 và cắt gốc, lãi 2 ngày là 400.000 đồng. C đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M của chị H5 số tiền 9.400.000 đồng. C thỏa thuận với chị H5 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi C thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Như vậy, với 02 lần nêu trên, C đã cho chị H5 vay tổng số 20.000.000 đồng tiền gốc và thu được tổng số 4.000.000 đồng tiền lãi. Công

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa C được hưởng với khoản vay 20.000.000 đồng (02 lần) của chị H5 vay trong 60 ngày là 657.534 đồng. Như vậy, số tiền C hưởng lợi đối với khoản vay trên là 3.342.466 đồng. Chị H5 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho C.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2023, Nguyễn Văn C có hành vi cho chị Đặng Thị H1, anh Bùi Thế S, chị Nguyễn Thị H2, chị Trần Thị H3, anh Nguyễn Hữu C1, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị H5 tổng số tiền 325.000.000 đồng nhằm thu số tiền lãi 61.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật là 10.027.413 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 51.427.587 đồng).

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn C:

- 01 điện thoại Iphone 7, màu đen có số sim 0978153333, số IMEI: 353069095527014Công

- 01 điện thoại Iphone 15 có số sim 0964044036 , số IMEI: 359207790214443Công

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSGL, ngày 16/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo: Nguyễn Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giaCông dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền C tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201, điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 3, Điều 5 Nghị quyết 01/2021 của Tòa án nhân dân tối cao ngày 20/12/2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

- Về hình phạt: Công

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày, quy đổi thành 09 ngày công tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự C an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Đề nghị miễn việc khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị trả lại bị cáo 01 điện thoại Iphone 15 và đề nghị tịch thu sung C 01 điện thoại iphone 7.

Ngoài ra Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G còn đề nghị một số vấn đề khác liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo hiện nay, bị cáo không có C ăn việc làm, có 02 con nhỏ và bố mẹ bị cáo đang bị bệnh nặng, chi phí điều trị rất tốn kém mà bị cáo là con duy nhất trong gia đình đang phải chăm sóc, chữa trị cho mẹ. Công

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bị cáo và người có quyền nghĩa vụ liên quan đều không có khiếu nại đối với hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2023 tại H, P, G, Hà Nội bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi cho chị Đặng Thị H1, anh Bùi Thế S, chị Nguyễn Thị H2, chị Trần Thị H3, anh Nguyễn Hữu C1, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị H5 vay tổng số tiền 325.000.000 đồng nhằm thu số tiền lãi 61.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của pháp luật là 10.038.402 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 51.461.643 đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố công bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.[5] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay chính sách tín dụng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Vì vậy, cần có mức án tương xứng đối với hành vi của bị cáo gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội khi đang có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo này thuộc trường hợp tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tự thú về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Công

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa, thay đổi bản thân mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo phải bị truy tố và xét xử bằng một Bản án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định ở trên nên cần mở lượng khoan hồng cho bị cáo C được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của bị cáo, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt chính đối với bị cáo về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên về hình phạt bổ sung là chưa phù hợp với tình hình tài sản và khả năng thi hành án của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không thu nhập ổn định. Bị cáo trình bày tại phiên tòa trước đây bị cáo làm lái xe thuê nhưng đã bán xe từ tháng 11/2023. Hiện bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập gì, đang sống phụ thuộc vào vợ. Bị cáo không có tài sản riêng, bị cáo là con duy nhất trong gia đình đang phải nuôi dưỡng bố mẹ già mà bố bị cáo lại đang bị bệnh nặng. Bị cáo đã phải truy nộp số tiền lớn liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ khoản 2 Điều 50 Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.- Về biện pháp tư pháp, dân sự và xử lý vật chứng:

[11] Đối với số tiền 325.000.000 đồng là tiền gốc bị cáo C sử dụng làm C cụ phạm tội nên cần truy nộp của bị cáo C để sung C quỹ Nhà nước.

[12] Đối với số tiền tiền 10.038.402 đồng là tiền lãi tối đa C được hưởng theo quy định của công pháp luật. Số tiền này phát sinh từ tội phạm mà có nên cần yêu cầu bị cáo truy nộp để sung C quỹ Nhà nước là có căn cứ.[13] Về dân sự: Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%: 51.461.598 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo từ những người vay nên cần yêu cầu trả lại cho người đã vay tiền của bị cáo. Xét thấy những người vay tiền của bị cáo đều có đơn trình bày và xác nhận đã thỏa thuận

xong với bị cáo về vấn đề này, không yêu cầu bị cáo phải trả lại họ số tiền bị cáo đã thu lời bất chính. Căn cứ mục 3 của C văn số 233/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 01/10/2019 và áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị H1, anh Bùi Thế S, chị Nguyễn Thị H2, chị Trần Thị H3, anh Nguyễn Hữu C1, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị H5 với bị cáo Nguyễn Văn C và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C phải truy nộp số tiền 51.461.836 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

[14] Đối với 01 điện thoại Iphone 7, màu đen có số sim 0978153333 thu giữ của C, C khai sử dụng vào liên lạc giao dịch cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Đối với 01 điện thoại Iphone 15, màu xám, số IMEI: 359307790214443 C mua dùng liên lạc hàng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo là có căn cứ..

- Về các vấn đề khác:

[16] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị H1, anh Bùi Thế S, chị Nguyễn Thị H2, chị Trần Thị H3, anh Nguyễn Hữu C1, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị H5 vay tiền của C đều sử dụng mục đích chi tiêu sinh hoạt, kinh doanh cá nhân, không sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật nên cơ quan Điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[17] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng, về biện pháp tư pháp và về các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[18] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[19] Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 16 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành thời gian thi hành án cải tạo không giam giữ còn lại là 15 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự C an cấp huyện nhận được quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã P giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Văn C

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật công tố tụng hình sự:- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải truy nộp số tiền 325.000.000 đồng là phương tiện phạm tội sung C quỹ Nhà nước.- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C truy nộp số tiền 10.038.000 đồng là tiền lãi tối đa C được hưởng phát sinh từ tội phạm mà có để sung C quỹ Nhà nước.

(Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn C phải truy nộp để sung C quỹ Nhà nước công: 335.038.000 (ba trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng)).- Tịch thu sung C quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 7, màu đen có số sim 0978153333.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại Iphone 15, màu xám, số IMEI: 359307790214443 Công

Toàn bộ số vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 21/5/2024.

4. Về dân sự: Không Công công

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Công quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có

quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự: Án xử C khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- C an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân